

Câu 1. Đồ thị hàm số nào sau đây có toạ độ đỉnh I(5;-19) và qua A(1;-3)

- A $y = -x^2 - 10x + 6$ B $y = x^2 - 10x + 6$ C $y = x^2 + 10x + 6$ D $y = -x^2 + 10x + 6$

Câu 2. Tập xác định của hàm số $y = \frac{x-6}{x^2+25}$

- A \mathbb{R} B $\mathbb{R} \setminus \{-5; 5\}$ C $\mathbb{R} \setminus \{6\}$ D $(6; +\infty)$

Câu 3. Nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} x + 3y = 16 \\ x - 2z = 13 \\ 2x + y + z = 1 \end{cases}$ là

- A $(1; 5; 6)$ B $(1; -5; 6)$ C $(1; 5; -6)$ D $(1; -5; -6)$

Câu 4. Cho $\vec{a} = (5; 0); \vec{b} = (-6; 5); \vec{c} = (5; 6)$. Toạ độ của $\vec{t} = 2\vec{a} - 3\vec{b} + \vec{c}$ là

- A $\vec{t} = (33; 9)$ B $\vec{t} = (-33; -9)$ C $\vec{t} = (-33; 9)$ D $\vec{t} = (33; -9)$

Câu 5. Cho A(5; 6); B(0; 6); C(10; -6). Để ABCD là hình bình hành thì

- A $D(15; -6)$ B $D(5; -6)$ C $D(15; 6)$ D $D(5; 6)$

Câu 6. Cho ΔABC với A(-5; 18); B(15; 12) và G(5; 6) là trọng tâm ΔABC

thì toạ độ của C là

- A $C(5; 12)$ B $C(-5; 12)$ C $C(5; -12)$ D $C(-5; -12)$

Câu 7. $[-6; 5] \cap [0; 6]$ là tập hợp

- A $[0; 5)$ B $(0; 5)$ C $[0; 5]$ D $(0; 5]$

Câu 8. ΔABC vuông tại A, $AB = 15$, $AC = 20$. Véc-tơ $\overrightarrow{CB} + \overrightarrow{AB}$ có độ dài là

- A $5\sqrt{13}$ B $10\sqrt{13}$ C $10\sqrt{73}$ D $5\sqrt{73}$

Câu 9. Toạ độ giao điểm của đường thẳng $y = 5x + 12$ với Parabol $y = x^2 - 6x + 12$ là

- A $A(0; 6); B(5; 37)$ B $A(11; 67); B(5; 37)$ C $A(0; 12); B(11; 67)$ D $A(0; 12); B(5; 37)$

Câu 10. Phương trình $\sqrt{x-6} = 5$ có nghiệm là

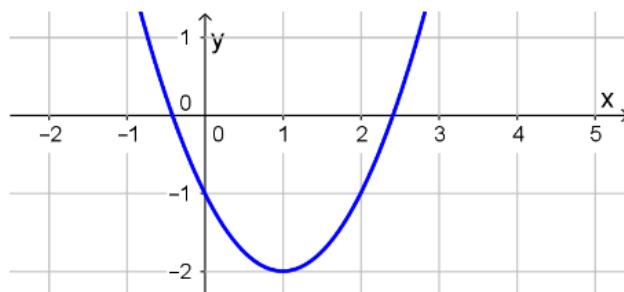
- A $x = 25$ B $x = 19$ C $x = 6$ D $x = 31$

Câu 11. Cho pt $x^2 - 2(m+5)x + m^2 + 11m = 0$. Tìm m để pt có 2 nghiệm phân biệt

- A $m \geq 25$ B $m \leq 25$ C $m > 25$ D $m < 25$

Câu 12. Đồ thị ở hình bên là của hàm số nào

- A $y = -x^2 + 2x - 1$
B $y = x^2 + 2x - 1$
C $y = -x^2 - 2x - 1$
D $y = x^2 - 2x - 1$



Mã đề : 1 (có 4 trang)

Câu 13. Cho $\vec{a} = (1; 5)$; $\vec{b} = (-6; 1)$. Tích vô hướng $\vec{a} \cdot \vec{b}$ bằng

- A 1 B 11 C -11 D -1

Câu 14. Cho $A = (0; 6]$; $B = (-5; +\infty)$. $A \cap B$ là

- A $[0; 6]$ B $[-5; 6]$ C $(0; 6]$ D $(-5; +\infty)$

Câu 15. Nghiệm của phương trình $\sqrt{2x^2 + 2x + 25} = 5 - 2x$ là

- A $x = 0$ B $x = 0; x = 11$ C $x = 11$ D $x = 0; x = 1$

Câu 16. Cho $\vec{a} = (2; 1)$; $\vec{b} = (3; -2)$; $\vec{c} = (28; -7)$. Để $\vec{c} = m\vec{a} + n\vec{b}$ thì m, n là

- A $m = 5; n = -6$ B $m = 5; n = 6$ C $m = -5; n = -6$ D $m = -5; n = 6$

Câu 17. Cho ΔABC có trọng tâm G. Tìm mệnh đề đúng

- A $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GB} + \overrightarrow{GC} = 0$ B $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GB} + \overrightarrow{GC} = \vec{0}$ C $\overrightarrow{GA} = \overrightarrow{GB} = \overrightarrow{GC}$ D $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GB} = \overrightarrow{GC}$

Câu 18. Cho hàm số $y = x^2 - 12x + 5$. Tìm câu SAI

- A Đồ thị có trục đối xứng $x = -12$ B Đồ thị có đỉnh I(6; -31)
C Hàm số đồng biến trên $(6; +\infty)$ D Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; 6)$

Câu 19. Giải sử phương trình $x^2 - 5(m+6)x + 12m = 0$ có hai nghiệm $x_1; x_2$ thì

- A $12(x_1 + x_2) - 5x_1x_2 = 60$ B $12(x_1 + x_2) - 5x_1x_2 = 360$
C $12(x_1 + x_2) + 5x_1x_2 = 360$ D $12(x_1 + x_2) + 5x_1x_2 = 60$

Câu 20. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{6 - 5x}$ là

- A $D = \left(-\infty; \frac{6}{5}\right)$ B $D = \left(-\infty; \frac{6}{5}\right]$ C $D = \left[\frac{6}{5}; +\infty\right)$ D $D = \left(\frac{6}{5}; +\infty\right)$

Câu 21. Cho $A(15; 0)$; $B(5; -12)$. Trung điểm I của AB có tọa độ

- A $I(10; -6)$ B $I(-10; -6)$ C $I(10; 6)$ D $I(-10; 6)$

Câu 22. Cho $A(1; 5)$; $B(6; 11)$; $C(26; 35)$. Để $k\overrightarrow{AB} = \overrightarrow{AC}$ thì k bằng

- A $k = -6$ B $k = -5$ C $k = 6$ D $k = 5$

Câu 23. Tập xác định của hàm số $y = \frac{5x + 30}{x^2 - 25}$ là

- A \mathbb{R} B $\mathbb{R} \setminus \{-6\}$ C $\mathbb{R} \setminus \{-5; 5\}$ D $\{-5; 5\}$

Câu 24. Cho hình bình hành ABCD. Tìm mệnh đề đúng

- A $\overrightarrow{BA} + \overrightarrow{AD} = \overrightarrow{DB}$ B $\overrightarrow{BC} + \overrightarrow{BA} = \overrightarrow{BD}$ C $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AD} = \overrightarrow{CA}$ D $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{BC} = \overrightarrow{CA}$

Câu 25. Số nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} 5x - 6y = 12 \\ 5x + 6y = 18 \end{cases}$ là

- A Vô số B 2 C 0 D 1

Câu 26. Tập xác định của hàm số $y = x^2 - 10x + 25$ là

- A $\mathbb{R} \setminus \{5\}$ B $(-\infty; 5)$ C \mathbb{R} D $(6; +\infty)$

Câu 27. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{x-5} + \frac{5x+12}{x-6}$ là

- A $(-\infty; 5] \setminus \{6\}$ B $[5; +\infty)$ C $\mathbb{R} \setminus \{6\}$ D $[5; +\infty) \setminus \{6\}$

Mã đề : 1 (có 4 trang)

Câu 28. Cho ΔABC . \overrightarrow{AB} bằng

- A $\overrightarrow{BC} - \overrightarrow{AC}$ B $\overrightarrow{AC} - 2\overrightarrow{BC}$ C $\overrightarrow{AC} + \overrightarrow{BC}$ D $\overrightarrow{CB} - \overrightarrow{CA}$

Câu 29. Tìm mệnh đề SAI

- A $A \neq \emptyset$ thì A có ít nhất 2 tập con
C $A \subset B$ và $B \subset C$ thì $A \subset C$
B $A = B \iff (\forall x, x \in A \Rightarrow x \in B)$
D $B \subset A \iff (\forall x \in B \Rightarrow x \in A)$

Câu 30. Với giá trị nào của m để pt $x^2 - (m-5)x - 6m = 0$ có nghiệm thoả $x_1^2 + x_2^2 = 60$

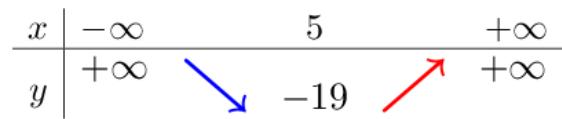
- A $m = 7; m = -5$ B $m = -7; m = -5$ C $m = 5; m = -7$ D $m = 5; m = 7$

Câu 31. Cho hàm số $y = -6x + 5$. Tìm câu đúng

- A Hàm số nghịch biến trên \mathbb{R}
C Hàm số đồng biến trên \mathbb{R}
B Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; -6)$
D Hàm số đồng biến trên $(-\infty; -6)$

Câu 32. Bảng biến thiên ở hình bên của hàm số nào

- A $y = -x^2 - 10x + 6$
B $y = x^2 - 10x + 6$
C $y = -x^2 + 10x + 6$
D $y = x^2 + 10x + 6$



Câu 33. Hai bạn Hồng và Lan vào tiệm sách. Bạn Hồng mua 5 quyển vở và 6 cây bút hết 61000đ. Bạn Lan mua 6 quyển vở và 5 cây bút hết 60000đ. Giá tiền mỗi quyển vở và từng cây bút là

- A 5000đ; 6000đ B 6000đ; 5000đ C 5000đ; 3000đ D 2500đ; 6000đ

Câu 34. Nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} 2x + 3y = 28 \\ x - 2y = -7 \end{cases}$ là

- A $(5; -6)$ B $(-5; 6)$ C $(-5; -6)$ D $(5; 6)$

Câu 35. Cho $A(5; 11); B(10; 12)$. \overrightarrow{AB} có toạ độ

- A $\overrightarrow{AB} = (5; 1)$ B $\overrightarrow{AB} = (-5; -1)$ C $\overrightarrow{AB} = (5; -1)$ D $\overrightarrow{AB} = (-5; 1)$

Câu 36. Cho hàm số $y = x^2 - 10x + 6$. Tìm câu đúng

- A Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; 6)$
C Hàm số đồng biến trên $(-\infty; 5)$
B Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; 5)$
D Hàm số đồng biến trên $(-\infty; 6)$

Câu 37. Tập xác định của hàm số $y = \frac{x^2 - 10x + 25}{x + 6}$ là

- A $(-\infty; 5] \setminus \{6\}$ B $\mathbb{R} \setminus \{-6\}$ C $(5; +\infty)$ D $\mathbb{R} \setminus \{6\}$

Câu 38. Cho hình bình hành ABCD. $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AC} + \overrightarrow{AD}$ bằng

- A \overrightarrow{AC} B $2\overrightarrow{AC}$ C $3\overrightarrow{AC}$ D $4\overrightarrow{AC}$

Câu 39. Parabol $y = x^2 - 10x + 6$ có đỉnh là

- A $I(-5; -19)$ B $I(5; -19)$ C $I(10; 6)$ D $I(-10; 206)$

Mã đề : 1 (có 4 trang)

Câu 40. Phương trình $\frac{x^2 + 11x + 30}{x+1} = \frac{12x + 60}{7}$ có tập nghiệm là

- A $S = \{-5; 6\}$ B $S = \{-5\}$ C $S = \{6\}$ D $S = \{5; 6\}$

Câu 41. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{12 - 5x} + \sqrt{5x + 6}$ là

- A $\left[\frac{-6}{5}; \frac{12}{5}\right]$ B $\left(\frac{-12}{5}; \frac{6}{5}\right)$ C $\left[\frac{-12}{5}; \frac{6}{5}\right]$ D $\left(\frac{-6}{5}; \frac{12}{5}\right)$

Câu 42. Cho tập hợp $A = \{1, 2, 3, 4, 5\}$. Số tập con của A là

- A 34 B 32 C 31 D 33

Câu 43. Phương trình $\sqrt{5x + 36} = x - 6$ có nghiệm là

- A $x = 6$ B $x = 5$ C $x = 17$ D $x = 11$

Câu 44. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{x+5}$ là

- A \mathbb{R} B $[-5; +\infty)$ C $\mathbb{R} \setminus \{-5\}$ D $(-\infty; 5]$

Câu 45. Câu nào trong các câu sau KHÔNG là mệnh đề

- A 3 là số thực phải không? B \sqrt{a} là một số vô lý
C $2 + 2 = 5$ D π là số hữu lý

Câu 46. Điều kiện của m để pt $(x-2)(x^2 + mx + m^2 - 3) = 0$ có 3 nghiệm phân biệt là

- A $m < 2; m \neq -1$ B $-2 \leq m \leq 2; m \neq -1$
C $-2 < m; m \neq -1$ D $-2 < m < 2; m \neq -1$

Câu 47. Cho các vectơ $\vec{a} = (1; -5); \vec{b} = (2; 6)$. Tích của $\vec{a}(\vec{a} + 2\vec{b})$ bằng

- A -31 B -29 C -30 D -28

Câu 48. Cho A(10; 6); B(0; -18); C(5; -6). Trọng tâm G của ΔABC có tọa độ

- A $G(5; 6)$ B $G(-5; 6)$ C $G(-5; -6)$ D $G(5; -6)$

Câu 49. Hàm số nào sau đây qua 2 điểm A(0; 6) và B(1; 12)

- A $y = -x^2 - 5x + 6$ B $y = x^2 + 5x + 6$ C $y = x^2 - 5x + 6$ D $y = -x^2 + 5x + 6$

Câu 50. Cho hình bình hành ABCD tâm O. Tìm mệnh đề SAI

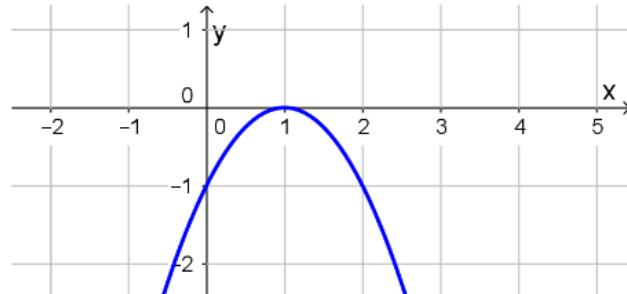
- A $\overrightarrow{CO} - \overrightarrow{OB} = \overrightarrow{BA}$ B $\overrightarrow{AB} - \overrightarrow{BC} = \overrightarrow{DB}$ C $\overrightarrow{DA} - \overrightarrow{DB} = \overrightarrow{OD} - \overrightarrow{OC}$ D $\overrightarrow{DA} + \overrightarrow{DB} + \overrightarrow{DC} = \vec{0}$

Mã đề : 1 (có 4 trang)

Câu 1. Phương trình $\frac{x^2 + 9x + 20}{x+1} = \frac{10x + 40}{6}$ có tập nghiệm là

- A $S = \{-4\}$ B $S = \{5\}$ C $S = \{4; 5\}$ D $S = \{-4; 5\}$

Câu 2. Đồ thị ở hình bên là của hàm số nào



- A $y = -x^2 + 2x - 1$
B $y = x^2 + 2x - 1$
C $y = x^2 - 2x - 1$
D $y = -x^2 - 2x - 1$

Câu 3. Nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} x + 3y = 13 \\ x - 2z = 11 \\ 2x + y + z = 1 \end{cases}$ là

- A $(1; -4; 5)$ B $(1; 4; -5)$ C $(1; -4; -5)$ D $(1; 4; 5)$

Câu 4. Cho hàm số $y = x^2 - 8x + 5$. Tìm câu đúng

- A Hàm số đồng biến trên $(-\infty; 4)$
B Hàm số đồng biến trên $(-\infty; 5)$
C Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; 5)$
D Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; 4)$

Câu 5. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{x+4}$ là

- A $\mathbb{R} \setminus \{-4\}$ B $(-\infty; 4]$ C \mathbb{R} D $[-4; +\infty)$

Câu 6. Tập xác định của hàm số $y = \frac{x-5}{x^2+16}$

- A $(5; +\infty)$ B \mathbb{R} C $\mathbb{R} \setminus \{-4; 4\}$ D $\mathbb{R} \setminus \{5\}$

Câu 7. Tập xác định của hàm số $y = x^2 - 8x + 16$ là

- A $(5; +\infty)$ B $\mathbb{R} \setminus \{4\}$ C $(-\infty; 4)$ D \mathbb{R}

Câu 8. Toạ độ giao điểm của đường thẳng $y = 4x + 6$ với Parabol $y = x^2 - 5x + 6$ là

- A $A(0; 5); B(4; 22)$ B $A(9; 42); B(4; 22)$ C $A(0; 6); B(9; 42)$ D $A(0; 6); B(4; 22)$

Câu 9. Cho hàm số $y = -5x + 4$. Tìm câu đúng

- A Hàm số đồng biến trên \mathbb{R}
B Hàm số đồng biến trên $(-\infty; -5)$
C Hàm số nghịch biến trên \mathbb{R}
D Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; -5)$

Câu 10. Cho $A(4; 9); B(8; 10)$. \overrightarrow{AB} có toạ độ

- A $\overrightarrow{AB} = (-4; 1)$ B $\overrightarrow{AB} = (4; 1)$ C $\overrightarrow{AB} = (-4; -1)$ D $\overrightarrow{AB} = (4; -1)$

Mã đề : 2 (có 4 trang)

Câu 11. Tập xác định của hàm số $y = \frac{4x+20}{x^2-16}$ là

- A \mathbb{R} B $\mathbb{R} \setminus \{-5\}$ C $\mathbb{R} \setminus \{-4; 4\}$ D $\{-4; 4\}$

Câu 12. Cho tập hợp $A = \{1, 2, 3, 4\}$. Số tập con của A là

- A 18 B 16 C 15 D 17

Câu 13. Cho hàm số $y = x^2 - 10x + 4$. Tìm câu SAI

- A Đồ thị có đỉnh I(5; -21) B Hàm số đồng biến trên $(5; +\infty)$
C Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; 5)$ D Đồ thị có trục đối xứng $x = -10$

Câu 14. Cho ΔABC có trọng tâm G. Tìm mệnh đề đúng

- A $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GB} = \overrightarrow{GC}$ B $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GB} + \overrightarrow{GC} = 0$ C $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GB} + \overrightarrow{GC} = \vec{0}$ D $\overrightarrow{GA} = \overrightarrow{GB} = \overrightarrow{GC}$

Câu 15. Cho $A = (0; 5]$; $B = (-4; +\infty)$. $A \cap B$ là

- A $(-4; +\infty)$ B $[0; 5]$ C $[-4; 5]$ D $(0; 5]$

Câu 16. Tập xác định của hàm số $y = \frac{x^2 - 8x + 16}{x + 5}$ là

- A $\mathbb{R} \setminus \{5\}$ B $(-\infty; 4] \setminus \{5\}$ C $\mathbb{R} \setminus \{-5\}$ D $(4; +\infty)$

Câu 17. Cho $\vec{a} = (2; 1)$; $\vec{b} = (3; -2)$; $\vec{c} = (23; -6)$. Để $\vec{c} = m\vec{a} + n\vec{b}$ thì m, n là

- A $m = 4; n = -5$ B $m = 4; n = 5$ C $m = -4; n = -5$ D $m = -4; n = 5$

Câu 18. Cho $A(4; 5)$; $B(0; 5)$; $C(8; -5)$. Để ABCD là hình bình hành thì

- A $D(4; -5)$ B $D(12; 5)$ C $D(4; 5)$ D $D(12; -5)$

Câu 19. Cho ΔABC với $A(-4; 15)$; $B(12; 10)$ và $G(4; 5)$ là trọng tâm ΔABC
thì toạ độ của C là

- A $C(-4; 10)$ B $C(4; -10)$ C $C(-4; -10)$ D $C(4; 10)$

Câu 20. Đồ thị hàm số nào sau đây có toạ độ đỉnh I(4; -11) và qua A(1; -2)

- A $y = x^2 + 8x + 5$ B $y = -x^2 + 8x + 5$ C $y = -x^2 - 8x + 5$ D $y = x^2 - 8x + 5$

Câu 21. Cho hình bình hành ABCD. Tìm mệnh đề đúng

- A $\overrightarrow{BA} + \overrightarrow{AD} = \overrightarrow{DB}$ B $\overrightarrow{BC} + \overrightarrow{BA} = \overrightarrow{BD}$ C $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AD} = \overrightarrow{CA}$ D $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{BC} = \overrightarrow{CA}$

Câu 22. Câu nào trong các câu sau KHÔNG là mệnh đề

- A $2 + 2 = 5$ B π là số hữu tỷ
C 3 là số thực phải không? D \sqrt{a} là một số vô tỷ

Câu 23. $[-5; 4] \cap [0; 5]$ là tập hợp

- A $(0; 4)$ B $[0; 4]$ C $(0; 4]$ D $[0; 4)$

Câu 24. Cho hình bình hành ABCD. $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AC} + \overrightarrow{AD}$ bằng

- A $4\overrightarrow{AC}$ B \overrightarrow{AC} C $2\overrightarrow{AC}$ D $3\overrightarrow{AC}$

Câu 25. Giải số phương trình $x^2 - 4(m+5)x + 6m = 0$ có hai nghiệm $x_1; x_2$ thì

- A $6(x_1 + x_2) - 4x_1x_2 = 120$ B $6(x_1 + x_2) + 4x_1x_2 = 120$
C $6(x_1 + x_2) + 4x_1x_2 = 24$ D $6(x_1 + x_2) - 4x_1x_2 = 24$

Mã đề : 2 (có 4 trang)

Câu 26. Cho A(8; 5); B(0; -15); C(4; -5). Trọng tâm G của ΔABC có toạ độ

- A $G(4; -5)$ B $G(4; 5)$ C $G(-4; 5)$ D $G(-4; -5)$

Câu 27. Số nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} 4x - 5y = 6 \\ 4x + 5y = 24 \end{cases}$ là

- A 1 B Vô số C 2 D 0

Câu 28. Phương trình $\sqrt{x-5} = 4$ có nghiệm là

- A $x = 21$ B $x = 16$ C $x = 11$ D $x = 5$

Câu 29. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{x-4} + \frac{4x+6}{x-5}$ là

- A $\mathbb{R} \setminus \{5\}$ B $[4; +\infty) \setminus \{5\}$ C $(-\infty; 4] \setminus \{5\}$ D $[4; +\infty)$

Câu 30. Với giá trị nào của m để pt $x^2 - (m-4)x - 5m = 0$ có nghiệm thoả $x_1^2 + x_2^2 = 40$

- A $m = 6; m = -4$ B $m = -6; m = -4$ C $m = 4; m = -6$ D $m = 4; m = 6$

Câu 31. Tìm mệnh đề SAI

- A $B \subset A \iff (\forall x \in B \Rightarrow x \in A)$ B $A \neq \emptyset$ thì A có ít nhất 2 tập con
C $A = B \iff (\forall x, x \in A \Rightarrow x \in B)$ D $A \subset B$ và $B \subset C$ thì $A \subset C$

Câu 32. Cho A(12; 0); B(4; -10). Trung điểm I của AB có toạ độ

- A $I(-8; -5)$ B $I(8; 5)$ C $I(-8; 5)$ D $I(8; -5)$

Câu 33. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{6-4x} + \sqrt{4x+5}$ là

- A $\left(\frac{-5}{4}; \frac{3}{2}\right)$ B $\left[\frac{-5}{4}; \frac{3}{2}\right]$ C $\left(\frac{-3}{2}; \frac{5}{4}\right)$ D $\left[\frac{-3}{2}; \frac{5}{4}\right]$

Câu 34. Điều kiện của m để pt $(x-2)(x^2 + mx + m^2 - 3) = 0$ có 3 nghiệm phân biệt là

- A $-2 < m; m \neq -1$ B $-2 < m < 2; m \neq -1$
C $m < 2; m \neq -1$ D $-2 \leq m \leq 2; m \neq -1$

Câu 35. Cho pt $x^2 - 2(m+4)x + m^2 + 9m = 0$. Tìm m để pt có 2 nghiệm phân biệt

- A $m > 16$ B $m < 16$ C $m \geq 16$ D $m \leq 16$

Câu 36. Cho A(1; 4); B(5; 9); C(17; 24). Để $k\overrightarrow{AB} = \overrightarrow{AC}$ thì k bằng

- A $k = 5$ B $k = 4$ C $k = -5$ D $k = -4$

Câu 37. Phương trình $\sqrt{4x+25} = x - 5$ có nghiệm là

- A $x = 14$ B $x = 9$ C $x = 5$ D $x = 4$

Câu 38. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{5-4x}$ là

- A $D = \left(\frac{5}{4}; +\infty\right)$ B $D = \left(-\infty; \frac{5}{4}\right)$ C $D = \left(-\infty; \frac{5}{4}\right]$ D $D = \left[\frac{5}{4}; +\infty\right)$

Câu 39. Nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} 2x + 3y = 23 \\ x - 2y = -6 \end{cases}$ là

- A $(4; -5)$ B $(-4; 5)$ C $(-4; -5)$ D $(4; 5)$

Mã đề : 2 (có 4 trang)

Câu 40. Cho các véctơ $\vec{a} = (1; -4)$; $\vec{b} = (2; 5)$. Tích của $\vec{a}(\vec{a} + 2\vec{b})$ bằng

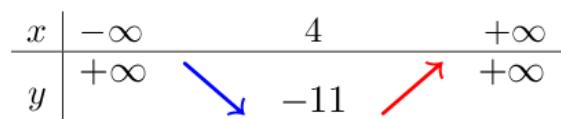
- A -20 B -18 C -19 D -17

Câu 41. Parabol $y = x^2 - 8x + 5$ có đỉnh là

- A $I(4; -11)$ B $I(8; 5)$ C $I(-8; 133)$ D $I(-4; -11)$

Câu 42. Bảng biến thiên ở hình bên của hàm số nào

- A $y = -x^2 + 8x + 5$
 B $y = x^2 + 8x + 5$
 C $y = -x^2 - 8x + 5$
 D $y = x^2 - 8x + 5$



Câu 43. Cho $\vec{a} = (4; 0)$; $\vec{b} = (-5; 4)$; $\vec{c} = (4; 5)$. Toạ độ của $\vec{t} = 2\vec{a} - 3\vec{b} + \vec{c}$ là

- A $\vec{t} = (-27; 7)$ B $\vec{t} = (27; -7)$ C $\vec{t} = (27; 7)$ D $\vec{t} = (-27; -7)$

Câu 44. Hai bạn Hồng và Lan vào tiệm sách. Bạn Hồng mua 4 quyển vở và 5 cây bút hết 41000đ. Bạn Lan mua 5 quyển vở và 4 cây bút hết 40000đ. Giá tiền mỗi quyển vở và từng cây bút là

- A 4000đ; 5000đ B 5000đ; 4000đ C 4000đ; 2500đ D 2000đ; 5000đ

Câu 45. Hàm số nào sau đây qua 2 điểm $A(0; 5)$ và $B(1; 10)$

- A $y = -x^2 - 4x + 5$ B $y = x^2 + 4x + 5$ C $y = x^2 - 4x + 5$ D $y = -x^2 + 4x + 5$

Câu 46. Nghiệm của phương trình $\sqrt{2x^2 + 2x + 16} = 4 - 2x$ là

- A $x = 0$ B $x = 0; x = 9$ C $x = 9$ D $x = 0; x = 1$

Câu 47. Cho hình bình hành ABCD tâm O. Tìm mệnh đề SAI

- A $\overrightarrow{DA} + \overrightarrow{DB} + \overrightarrow{DC} = \vec{0}$ B $\overrightarrow{CO} - \overrightarrow{OB} = \overrightarrow{BA}$ C $\overrightarrow{AB} - \overrightarrow{BC} = \overrightarrow{DB}$ D $\overrightarrow{DA} - \overrightarrow{DB} = \overrightarrow{OD} - \overrightarrow{OC}$

Câu 48. Cho ΔABC . \overrightarrow{AB} bằng

- A $\overrightarrow{CB} - \overrightarrow{CA}$ B $\overrightarrow{BC} - \overrightarrow{AC}$ C $\overrightarrow{AC} - 2\overrightarrow{BC}$ D $\overrightarrow{AC} + \overrightarrow{BC}$

Câu 49. Cho $\vec{a} = (1; 4)$; $\vec{b} = (-5; 1)$. Tích vô hướng $\vec{a} \cdot \vec{b}$ bằng

- A 1 B 9 C -9 D -1

Câu 50. ΔABC vuông tại A, $AB = 12$, $AC = 16$. Véc-tơ $\overrightarrow{CB} + \overrightarrow{AB}$ có độ dài là

- A $8\sqrt{13}$ B $8\sqrt{73}$ C $4\sqrt{73}$ D $4\sqrt{13}$

Mã đề : 2 (có 4 trang)

Câu 1. Nghiệm của phương trình $\sqrt{2x^2 + 2x + 25} = 5 - 2x$ là

- A $x = 0$ B $x = 0; x = 11$ C $x = 11$ D $x = 0; x = 1$

Câu 2. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{x-5} + \frac{5x+8}{x-6}$ là

- A $[5; +\infty)$ B $\mathbb{R} \setminus \{6\}$ C $[5; +\infty) \setminus \{6\}$ D $(-\infty; 5] \setminus \{6\}$

Câu 3. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{8-5x} + \sqrt{5x+6}$ là

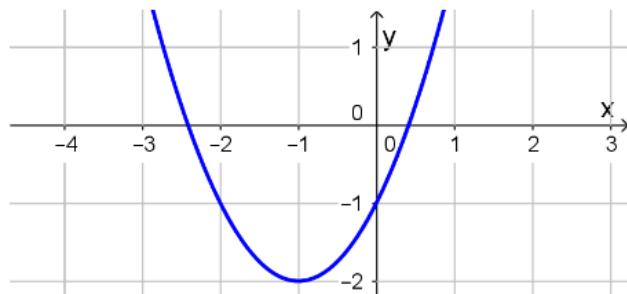
- A $\left[\frac{-6}{5}; \frac{8}{5}\right]$ B $\left(\frac{-8}{5}; \frac{6}{5}\right)$ C $\left[\frac{-8}{5}; \frac{6}{5}\right]$ D $\left(\frac{-6}{5}; \frac{8}{5}\right)$

Câu 4. Cho ΔABC với $A(-5; 18); B(15; 12)$ và $G(5; 6)$ là trọng tâm ΔABC
thì toạ độ của C là

- A $C(5; -12)$ B $C(-5; -12)$ C $C(5; 12)$ D $C(-5; 12)$

Câu 5. Đồ thị ở hình bên là của hàm số nào

- A $y = -x^2 + 2x - 1$
B $y = x^2 - 2x - 1$
C $y = -x^2 - 2x - 1$
D $y = x^2 + 2x - 1$



Câu 6. Hàm số nào sau đây qua 2 điểm $A(0; 6)$ và $B(1; 12)$

- A $y = -x^2 + 5x + 6$ B $y = -x^2 - 5x + 6$ C $y = x^2 + 5x + 6$ D $y = x^2 - 5x + 6$

Câu 7. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{x+5}$ là

- A \mathbb{R} B $[-5; +\infty)$ C $\mathbb{R} \setminus \{-5\}$ D $(-\infty; 5]$

Câu 8. Cho ΔABC có trọng tâm G. Tìm mệnh đề đúng

- A $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GB} + \overrightarrow{GC} = 0$ B $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GB} + \overrightarrow{GC} = \vec{0}$ C $\overrightarrow{GA} = \overrightarrow{GB} = \overrightarrow{GC}$ D $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GB} = \overrightarrow{GC}$

Câu 9. Cho các vectơ $\vec{a} = (1; -5); \vec{b} = (2; 6)$. Tích của $\vec{a}(\vec{a} + 2\vec{b})$ bằng

- A -31 B -29 C -30 D -28

Câu 10. $[-6; 5] \cap [0; 6]$ là tập hợp

- A $[0; 5]$ B $(0; 5]$ C $[0; 5)$ D $(0; 5)$

Câu 11. Cho hàm số $y = x^2 - 10x + 6$. Tìm câu đúng

- A Hàm số đồng biến trên $(-\infty; 5)$
C Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; 6)$ B Hàm số đồng biến trên $(-\infty; 6)$
D Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; 5)$

Mã đề : 3(có 4 trang)

Câu 12. Số nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} 5x - 6y = 8 \\ 5x + 6y = 21 \end{cases}$ là

A 1

B Vô số

C 2

D 0

Câu 13. Phương trình $\frac{x^2 + 11x + 30}{x + 1} = \frac{12x + 60}{7}$ có tập nghiệm là

A $S = \{5; 6\}$

B $S = \{-5; 6\}$

C $S = \{-5\}$

D $S = \{6\}$

Câu 14. Cho hình bình hành ABCD tâm O. Tìm mệnh đề SAI

A $\overrightarrow{DA} - \overrightarrow{DB} = \overrightarrow{OD} - \overrightarrow{OC}$

B $\overrightarrow{DA} + \overrightarrow{DB} + \overrightarrow{DC} = \vec{0}$

C $\overrightarrow{CO} - \overrightarrow{OB} = \overrightarrow{BA}$

D $\overrightarrow{AB} - \overrightarrow{BC} = \overrightarrow{DB}$

Câu 15. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{6 - 5x}$ là

A $D = \left(-\infty; \frac{6}{5}\right]$

B $D = \left[\frac{6}{5}; +\infty\right)$

C $D = \left(\frac{6}{5}; +\infty\right)$

D $D = \left(-\infty; \frac{6}{5}\right)$

Câu 16. Cho A(1; 5); B(6; 11); C(26; 35). Để $k\overrightarrow{AB} = \overrightarrow{AC}$ thì k bằng

A $k = -5$

B $k = 6$

C $k = 5$

D $k = -6$

Câu 17. Cho hàm số $y = -6x + 5$. Tìm câu đúng

A Hàm số đồng biến trên $(-\infty; -6)$

B Hàm số nghịch biến trên \mathbb{R}

C Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; -6)$

D Hàm số đồng biến trên \mathbb{R}

Câu 18. Câu nào trong các câu sau KHÔNG là mệnh đề

A \sqrt{a} là một số vô tỷ

B $2 + 2 = 5$

C π là số hữu tỷ

D 3 là số thực phải không?

Câu 19. Cho hình bình hành ABCD. $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AC} + \overrightarrow{AD}$ bằng

A $4\overrightarrow{AC}$

B \overrightarrow{AC}

C $2\overrightarrow{AC}$

D $3\overrightarrow{AC}$

Câu 20. Cho hình bình hành ABCD. Tìm mệnh đề đúng

A $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AD} = \overrightarrow{CA}$

B $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{BC} = \overrightarrow{CA}$

C $\overrightarrow{BA} + \overrightarrow{AD} = \overrightarrow{DB}$

D $\overrightarrow{BC} + \overrightarrow{BA} = \overrightarrow{BD}$

Câu 21. Tìm mệnh đề SAI

A $A \subset B$ và $B \subset C$ thì $A \subset C$

B $B \subset A \iff (\forall x \in B \Rightarrow x \in A)$

C $A \neq \emptyset$ thì A có ít nhất 2 tập con

D $A = B \iff (\forall x, x \in A \Rightarrow x \in B)$

Câu 22. Phương trình $\sqrt{x - 6} = 5$ có nghiệm là

A $x = 19$

B $x = 6$

C $x = 31$

D $x = 25$

Câu 23. Giải số phương trình $x^2 - 5(m+6)x + 8m = 0$ có hai nghiệm $x_1; x_2$ thì

A $8(x_1 + x_2) + 5x_1x_2 = 240$

B $8(x_1 + x_2) + 5x_1x_2 = 40$

C $8(x_1 + x_2) - 5x_1x_2 = 40$

D $8(x_1 + x_2) - 5x_1x_2 = 240$

Câu 24. Nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} 2x + 3y = 28 \\ x - 2y = -7 \end{cases}$ là

A $(5; -6)$

B $(-5; 6)$

C $(-5; -6)$

D $(5; 6)$

Câu 25. Với giá trị nào của m để pt $x^2 - (m-5)x - 6m = 0$ có nghiệm thoả $x_1^2 + x_2^2 = 60$

A $m = 5; m = -7$

B $m = 5; m = 7$

C $m = 7; m = -5$

D $m = -7; m = -5$

Mã đề : 3(có 4 trang)

Câu 26. Đồ thị hàm số nào sau đây có toạ độ đỉnh I(5; -19) và qua A(1; -3)

- A $y = x^2 + 10x + 6$ B $y = -x^2 + 10x + 6$ C $y = -x^2 - 10x + 6$ D $y = x^2 - 10x + 6$

Câu 27. Cho A(5; 6); B(0; 6); C(10; -6). Để ABCD là hình bình hành thì

- A $D(5; -6)$ B $D(15; 6)$ C $D(5; 6)$ D $D(15; -6)$

Câu 28. Cho pt $x^2 - 2(m+5)x + m^2 + 11m = 0$. Tìm m để pt có 2 nghiệm phân biệt

- A $m \leq 25$ B $m > 25$ C $m < 25$ D $m \geq 25$

Câu 29. Điều kiện của m để pt $(x-2)(x^2 + mx + m^2 - 3) = 0$ có 3 nghiệm phân biệt là

- A $-2 \leq m \leq 2; m \neq -1$ B $-2 < m; m \neq -1$
 C $-2 < m < 2; m \neq -1$ D $m < 2; m \neq -1$

Câu 30. Cho A(15; 0); B(5; -12). Trung điểm I của AB có toạ độ

- A $I(10; 6)$ B $I(-10; 6)$ C $I(10; -6)$ D $I(-10; -6)$

Câu 31. Nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} x + 3y = 16 \\ x - 2z = 13 \\ 2x + y + z = 1 \end{cases}$ là

- A $(1; 5; 6)$ B $(1; -5; 6)$ C $(1; 5; -6)$ D $(1; -5; -6)$

Câu 32. Cho $\vec{a} = (2; 1)$; $\vec{b} = (3; -2)$; $\vec{c} = (28; -7)$. Để $\vec{c} = m\vec{a} + n\vec{b}$ thì m, n là

- A $m = -5; n = 6$ B $m = 5; n = -6$ C $m = 5; n = 6$ D $m = -5; n = -6$

Câu 33. Tập xác định của hàm số $y = \frac{x-6}{x^2+25}$

- A $(6; +\infty)$ B \mathbb{R} C $\mathbb{R} \setminus \{-5; 5\}$ D $\mathbb{R} \setminus \{6\}$

Câu 34. Cho ΔABC . \overrightarrow{AB} bằng

- A $\overrightarrow{CB} - \overrightarrow{CA}$ B $\overrightarrow{BC} - \overrightarrow{AC}$ C $\overrightarrow{AC} - 2\overrightarrow{BC}$ D $\overrightarrow{AC} + \overrightarrow{BC}$

Câu 35. Hai bạn Hồng và Lan vào tiệm sách. Bạn Hồng mua 5 quyển vở và 6 cây bút hết 61000đ. Bạn Lan mua 6 quyển vở và 5 cây bút hết 60000đ. Giá tiền mỗi quyển vở và từng cây bút là

- A $5000\text{đ}; 3000\text{đ}$ B $2500\text{đ}; 6000\text{đ}$ C $5000\text{đ}; 6000\text{đ}$ D $6000\text{đ}; 5000\text{đ}$

Câu 36. Tập xác định của hàm số $y = \frac{5x+30}{x^2-25}$ là

- A \mathbb{R} B $\mathbb{R} \setminus \{-6\}$ C $\mathbb{R} \setminus \{-5; 5\}$ D $\{-5; 5\}$

Câu 37. Cho hàm số $y = x^2 - 12x + 5$. Tìm câu SAI

- A Hàm số đồng biến trên $(6; +\infty)$ B Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; 6)$
 C Đồ thị có trục đối xứng $x = -12$ D Đồ thị có đỉnh I(6; -31)

Câu 38. Cho $\vec{a} = (5; 0)$; $\vec{b} = (-6; 5)$; $\vec{c} = (5; 6)$. Toạ độ của $\vec{t} = 2\vec{a} - 3\vec{b} + \vec{c}$ là

- A $\vec{t} = (-33; 9)$ B $\vec{t} = (33; -9)$ C $\vec{t} = (33; 9)$ D $\vec{t} = (-33; -9)$

Câu 39. Cho tập hợp $A = \{1, 2, 3, 4, 5\}$. Số tập con của A là

- A 34 B 32 C 31 D 33

Mã đề : 3(có 4 trang)

Câu 40. Parabol $y = x^2 - 10x + 6$ có đỉnh là

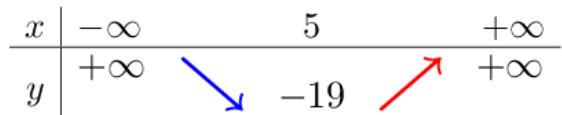
- A $I(-5; -19)$ B $I(5; -19)$ C $I(10; 6)$ D $I(-10; 206)$

Câu 41. Phương trình $\sqrt{5x + 36} = x - 6$ có nghiệm là

- A $x = 6$ B $x = 5$ C $x = 17$ D $x = 11$

Câu 42. Bảng biến thiên ở hình bên của hàm số nào

- A $y = -x^2 - 10x + 6$
B $y = x^2 - 10x + 6$
C $y = -x^2 + 10x + 6$
D $y = x^2 + 10x + 6$



Câu 43. Cho $\vec{a} = (1; 5); \vec{b} = (-6; 1)$. Tích vô hướng $\vec{a} \cdot \vec{b}$ bằng

- A -1 B 1 C 11 D -11

Câu 44. ΔABC vuông tại A, $AB = 15$, $AC = 20$. Véc-tơ $\overrightarrow{CB} + \overrightarrow{AB}$ có độ dài là

- A $5\sqrt{13}$ B $10\sqrt{13}$ C $10\sqrt{73}$ D $5\sqrt{73}$

Câu 45. Tập xác định của hàm số $y = \frac{x^2 - 10x + 25}{x + 6}$ là

- A $(5; +\infty)$ B $\mathbb{R} \setminus \{6\}$ C $(-\infty; 5] \setminus \{6\}$ D $\mathbb{R} \setminus \{-6\}$

Câu 46. Cho $A = (0; 6]; B = (-5; +\infty)$. $A \cap B$ là

- A $(0; 6]$ B $(-5; +\infty)$ C $[0; 6]$ D $[-5; 6]$

Câu 47. Cho $A(5; 11); B(10; 12)$. \overrightarrow{AB} có toạ độ

- A $\overrightarrow{AB} = (-5; -1)$ B $\overrightarrow{AB} = (5; -1)$ C $\overrightarrow{AB} = (-5; 1)$ D $\overrightarrow{AB} = (5; 1)$

Câu 48. Cho $A(10; 6); B(0; -18); C(5; -6)$. Trọng tâm G của ΔABC có toạ độ

- A $G(-5; 6)$ B $G(-5; -6)$ C $G(5; -6)$ D $G(5; 6)$

Câu 49. Tập xác định của hàm số $y = x^2 - 10x + 25$ là

- A \mathbb{R} B $(6; +\infty)$ C $\mathbb{R} \setminus \{5\}$ D $(-\infty; 5)$

Câu 50. Toạ độ giao điểm của đường thẳng $y = 5x + 8$ với Parabol $y = x^2 - 6x + 8$ là

- A $A(0; 8); B(11; 63)$ B $A(0; 8); B(5; 33)$ C $A(0; 6); B(5; 33)$ D $A(11; 63); B(5; 33)$

Mã đề : 3(có 4 trang)

Câu 1. Đồ thị hàm số nào sau đây có toạ độ đỉnh $I(3; -5)$ và qua $A(1; -1)$

- A $y = x^2 - 6x + 4$ B $y = x^2 + 6x + 4$ C $y = -x^2 + 6x + 4$ D $y = -x^2 - 6x + 4$

Câu 2. ΔABC vuông tại A, $AB = 9$, $AC = 12$. Véc-tơ $\vec{CB} + \vec{AB}$ có độ dài là

- A $6\sqrt{13}$ B $6\sqrt{73}$ C $3\sqrt{73}$ D $3\sqrt{13}$

Câu 3. Toạ độ giao điểm của đường thẳng $y = 3x + 7$ với Parabol $y = x^2 - 4x + 7$ là

- A $A(7; 28); B(3; 16)$ B $A(0; 7); B(7; 28)$ C $A(0; 7); B(3; 16)$ D $A(0; 4); B(3; 16)$

Câu 4. Điều kiện của m để pt $(x-2)(x^2 + mx + m^2 - 3) = 0$ có 3 nghiệm phân biệt là

- A $-2 \leq m \leq 2; m \neq -1$ B $-2 < m; m \neq -1$

- C $-2 < m < 2; m \neq -1$ D $m < 2; m \neq -1$

Câu 5. Cho $\vec{a} = (2; 1)$; $\vec{b} = (3; -2)$; $\vec{c} = (18; -5)$. Để $\vec{c} = m\vec{a} + n\vec{b}$ thì m, n là

- A $m = 3; n = 4$ B $m = -3; n = -4$ C $m = -3; n = 4$ D $m = 3; n = -4$

Câu 6. Cho hàm số $y = x^2 - 6x + 4$. Tìm câu đúng

- A Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; 3)$ B Hàm số đồng biến trên $(-\infty; 3)$
C Hàm số đồng biến trên $(-\infty; 4)$ D Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; 4)$

Câu 7. Parabol $y = x^2 - 6x + 4$ có đỉnh là

- A $I(-6; 76)$ B $I(-3; -5)$ C $I(3; -5)$ D $I(6; 4)$

Câu 8. Phương trình $\sqrt{3x + 16} = x - 4$ có nghiệm là

- A $x = 4$ B $x = 3$ C $x = 11$ D $x = 7$

Câu 9. Nghiệm của phương trình $\sqrt{2x^2 + 2x + 9} = 3 - 2x$ là

- A $x = 0; x = 7$ B $x = 7$ C $x = 0; x = 1$ D $x = 0$

Câu 10. Cho $A = (0; 4]$; $B = (-3; +\infty)$. $A \cap B$ là

- A $(-3; +\infty)$ B $[0; 4]$ C $[-3; 4]$ D $(0; 4]$

Câu 11. Tập xác định của hàm số $y = x^2 - 6x + 9$ là

- A $(4; +\infty)$ B $\mathbb{R} \setminus \{3\}$ C $(-\infty; 3)$ D \mathbb{R}

Câu 12. Hai bạn Hồng và Lan vào tiệm sách. Bạn Hồng mua 3 quyển vở và 4 cây bút hết 25000đ. Bạn Lan mua 4 quyển vở và 3 cây bút hết 24000đ. Giá tiền mỗi quyển vở và từng cây bút là

- A $4000\text{đ}; 3000\text{đ}$ B $3000\text{đ}; 2000\text{đ}$ C $1500\text{đ}; 4000\text{đ}$ D $3000\text{đ}; 4000\text{đ}$

Câu 13. Số nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} 3x - 4y = 7 \\ 3x + 4y = 24 \end{cases}$ là

- A Vô số B 2 C 0 D 1

Mã đề : 4 (có 4 trang)

Câu 14. Cho ΔABC có trọng tâm G. Tìm mệnh đề đúng

- A $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GB} + \overrightarrow{GC} = \vec{0}$ B $\overrightarrow{GA} = \overrightarrow{GB} = \overrightarrow{GC}$ C $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GB} = \overrightarrow{GC}$ D $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GB} + \overrightarrow{GC} = 0$

Câu 15. Cho A(9; 0); B(3; -8). Trung điểm I của AB có tọa độ

- A $I(-6; 4)$ B $I(6; -4)$ C $I(-6; -4)$ D $I(6; 4)$

Câu 16. Cho A(1; 3); B(4; 7); C(10; 15). Để $k\overrightarrow{AB} = \overrightarrow{AC}$ thì k bằng

- A $k = -4$ B $k = -3$ C $k = 4$ D $k = 3$

Câu 17. Cho hình bình hành ABCD. $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AC} + \overrightarrow{AD}$ bằng

- A $2\overrightarrow{AC}$ B $3\overrightarrow{AC}$ C $4\overrightarrow{AC}$ D \overrightarrow{AC}

Câu 18. Cho hàm số $y = x^2 - 8x + 3$. Tìm câu SAI

- A Hàm số đồng biến trên $(4; +\infty)$ B Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; 4)$
C Đồ thị có trực tiếp đối xứng $x = -8$ D Đồ thị có đỉnh I(4; -13)

Câu 19. Cho pt $x^2 - 2(m+3)x + m^2 + 7m = 0$. Tìm m để pt có 2 nghiệm phân biệt

- A $m \geq 9$ B $m \leq 9$ C $m > 9$ D $m < 9$

Câu 20. Tập xác định của hàm số $y = \frac{3x+12}{x^2-9}$ là

- A $\mathbb{R} \setminus \{-3; 3\}$ B $\{-3; 3\}$ C \mathbb{R} D $\mathbb{R} \setminus \{-4\}$

Câu 21. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{4 - 3x}$ là

- A $D = \left(\frac{4}{3}; +\infty\right)$ B $D = \left(-\infty; \frac{4}{3}\right)$ C $D = \left(-\infty; \frac{4}{3}\right]$ D $D = \left[\frac{4}{3}; +\infty\right)$

Câu 22. Phương trình $\sqrt{x-4} = 3$ có nghiệm là

- A $x = 5$ B $x = 4$ C $x = 13$ D $x = 9$

Câu 23. Cho A(3; 7); B(6; 8). \overrightarrow{AB} có tọa độ

- A $\overrightarrow{AB} = (-3; 1)$ B $\overrightarrow{AB} = (3; 1)$ C $\overrightarrow{AB} = (-3; -1)$ D $\overrightarrow{AB} = (3; -1)$

Câu 24. Cho A(3; 4); B(0; 4); C(6; -4). Để ABCD là hình bình hành thì

- A $D(9; 4)$ B $D(3; 4)$ C $D(9; -4)$ D $D(3; -4)$

Câu 25. Nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} x + 3y = 10 \\ x - 2z = 9 \\ 2x + y + z = 1 \end{cases}$ là

- A $(1; 3; -4)$ B $(1; -3; -4)$ C $(1; 3; 4)$ D $(1; -3; 4)$

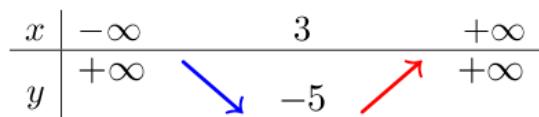
Câu 26. Nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} 2x + 3y = 18 \\ x - 2y = -5 \end{cases}$ là

- A $(3; 4)$ B $(3; -4)$ C $(-3; 4)$ D $(-3; -4)$

Mã đề : 4 (có 4 trang)

Câu 27. Bảng biến thiên ở hình bên của hàm số nào

- A $y = x^2 + 6x + 4$
- B $y = -x^2 - 6x + 4$
- C $y = x^2 - 6x + 4$
- D $y = -x^2 + 6x + 4$



Câu 28. $[-4; 3] \cap [0; 4]$ là tập hợp

- A $[0; 3)$
- B $(0; 3)$
- C $[0; 3]$
- D $(0; 3]$

Câu 29. Cho ΔABC với $A(-3; 12); B(9; 8)$ và $G(3; 4)$ là trọng tâm ΔABC

thì toạ độ của C là

- A $C(-3; -8)$
- B $C(3; 8)$
- C $C(-3; 8)$
- D $C(3; -8)$

Câu 30. Cho $A(6; 4); B(0; -12); C(3; -4)$. Trọng tâm G của ΔABC có toạ độ

- A $G(3; 4)$
- B $G(-3; 4)$
- C $G(-3; -4)$
- D $G(3; -4)$

Câu 31. Cho ΔABC . \overrightarrow{AB} bằng

- A $\overrightarrow{AC} + \overrightarrow{BC}$
- B $\overrightarrow{CB} - \overrightarrow{CA}$
- C $\overrightarrow{BC} - \overrightarrow{AC}$
- D $\overrightarrow{AC} - 2\overrightarrow{BC}$

Câu 32. Tập xác định của hàm số $y = \frac{x-4}{x^2+9}$

- A $(4; +\infty)$
- B \mathbb{R}
- C $\mathbb{R} \setminus \{-3; 3\}$
- D $\mathbb{R} \setminus \{4\}$

Câu 33. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{7-3x} + \sqrt{3x+4}$ là

- A $\left(\frac{-4}{3}; \frac{7}{3}\right)$
- B $\left[\frac{-4}{3}; \frac{7}{3}\right]$
- C $\left(\frac{-7}{3}; \frac{4}{3}\right)$
- D $\left[\frac{-7}{3}; \frac{4}{3}\right]$

Câu 34. Câu nào trong các câu sau KHÔNG là mệnh đề

- A π là số hữu tỷ
- B 3 là số thực phải không?
- C \sqrt{a} là một số vô tỷ
- D $2+2=5$

Câu 35. Phương trình $\frac{x^2 + 7x + 12}{x+1} = \frac{8x + 24}{5}$ có tập nghiệm là

- A $S = \{3; 4\}$
- B $S = \{-3; 4\}$
- C $S = \{-3\}$
- D $S = \{4\}$

Câu 36. Tìm mệnh đề SAI

- A $A \neq \emptyset$ thì A có ít nhất 2 tập con
- B $A = B \iff (\forall x, x \in A \Rightarrow x \in B)$
- C $A \subset B$ và $B \subset C$ thì $A \subset C$
- D $B \subset A \iff (\forall x \in B \Rightarrow x \in A)$

Câu 37. Tập xác định của hàm số $y = \frac{x^2 - 6x + 9}{x+4}$ là

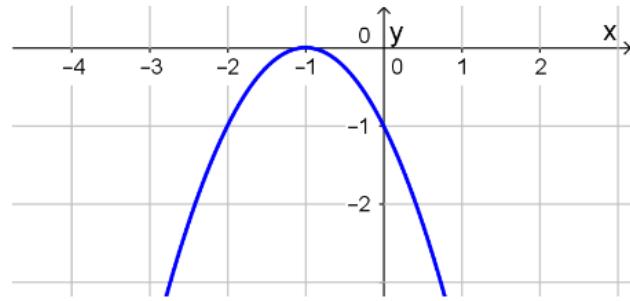
- A $\mathbb{R} \setminus \{4\}$
- B $(-\infty; 3] \setminus \{4\}$
- C $\mathbb{R} \setminus \{-4\}$
- D $(3; +\infty)$

Câu 38. Cho tập hợp $A = \{1, 2, 3\}$. Số tập con của A là

- A 9
- B 10
- C 8
- D 7

Mã đề : 4 (có 4 trang)

Câu 39. Đồ thị ở hình bên là của hàm số nào



- A $y = x^2 - 2x - 1$
- B $y = x^2 + 2x - 1$
- C $y = -x^2 - 2x - 1$
- D $y = -x^2 + 2x - 1$

Câu 40. Cho các véctơ $\vec{a} = (1; -3); \vec{b} = (2; 4)$. Tích của $\vec{a}(\vec{a} + 2\vec{b})$ bằng

- A -10
- B -8
- C -11
- D -9

Câu 41. Với giá trị nào của m để pt $x^2 - (m-3)x - 4m = 0$ có nghiệm thoả $x_1^2 + x_2^2 = 24$

- A $m = -5; m = -3$
- B $m = 3; m = -5$
- C $m = 3; m = 5$
- D $m = 5; m = -3$

Câu 42. Giả sử phương trình $x^2 - 3(m+4)x + 7m = 0$ có hai nghiệm $x_1; x_2$ thì

- | | |
|---------------------------------|---------------------------------|
| A $7(x_1 + x_2) - 3x_1x_2 = 84$ | B $7(x_1 + x_2) + 3x_1x_2 = 84$ |
| C $7(x_1 + x_2) + 3x_1x_2 = 21$ | D $7(x_1 + x_2) - 3x_1x_2 = 21$ |

Câu 43. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{x+3}$ là

- A \mathbb{R}
- B $[-3; +\infty)$
- C $\mathbb{R} \setminus \{-3\}$
- D $(-\infty; 3]$

Câu 44. Cho hình bình hành ABCD tâm O. Tìm mệnh đề SAI

- A $\overrightarrow{AB} - \overrightarrow{BC} = \overrightarrow{DB}$
- B $\overrightarrow{DA} - \overrightarrow{DB} = \overrightarrow{OD} - \overrightarrow{OC}$
- C $\overrightarrow{DA} + \overrightarrow{DB} + \overrightarrow{DC} = \vec{0}$
- D $\overrightarrow{CO} - \overrightarrow{OB} = \overrightarrow{BA}$

Câu 45. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{x-3} + \frac{3x+7}{x-4}$ là

- A $[3; +\infty) \setminus \{4\}$
- B $(-\infty; 3] \setminus \{4\}$
- C $[3; +\infty)$
- D $\mathbb{R} \setminus \{4\}$

Câu 46. Cho $\vec{a} = (3; 0); \vec{b} = (-4; 3); \vec{c} = (3; 4)$. Toạ độ của $\vec{t} = 2\vec{a} - 3\vec{b} + \vec{c}$ là

- A $\vec{t} = (21; 5)$
- B $\vec{t} = (-21; -5)$
- C $\vec{t} = (-21; 5)$
- D $\vec{t} = (21; -5)$

Câu 47. Cho $\vec{a} = (1; 3); \vec{b} = (-4; 1)$. Tích vô hướng $\vec{a} \cdot \vec{b}$ bằng

- A 1
- B 7
- C -7
- D -1

Câu 48. Hàm số nào sau đây qua 2 điểm A(0; 4) và B(1; 8)

- A $y = x^2 + 3x + 4$
- B $y = x^2 - 3x + 4$
- C $y = -x^2 + 3x + 4$
- D $y = -x^2 - 3x + 4$

Câu 49. Cho hàm số $y = -4x + 3$. Tìm câu đúng

- | | |
|---|--|
| A Hàm số đồng biến trên $(-\infty; -4)$ | B Hàm số nghịch biến trên \mathbb{R} |
| C Hàm số nghịch biến trên $(-\infty; -4)$ | D Hàm số đồng biến trên \mathbb{R} |

Câu 50. Cho hình bình hành ABCD. Tìm mệnh đề đúng

- A $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AD} = \overrightarrow{CA}$
- B $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{BC} = \overrightarrow{CA}$
- C $\overrightarrow{BA} + \overrightarrow{AD} = \overrightarrow{DB}$
- D $\overrightarrow{BC} + \overrightarrow{BA} = \overrightarrow{BD}$

Mã đề : 4 (có 4 trang)

Đáp án mã đề 1 :

câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10
ĐA	B	A	C	D	A	C	C	B	C	D

câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	D	D	D	C	A	B	B	A	B	B

câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
ĐA	A	D	C	B	D	C	D	D	B	C

câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
ĐA	A	B	A	D	A	B	B	B	B	A

câu	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
ĐA	A	B	C	B	A	D	C	D	B	D

Đáp án mã đề 2 :

câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10
ĐA	D	A	B	D	D	B	D	C	C	B

câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	C	B	D	C	D	C	B	D	B	D

câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
ĐA	B	C	B	C	A	A	A	A	B	C

câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
ĐA	C	D	B	B	B	B	A	C	D	C

câu	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
ĐA	A	D	B	A	B	A	A	A	D	A

Đáp án mã đề 3 :

câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10
ĐA	A	C	A	A	D	C	B	B	C	A

câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	D	A	B	B	A	C	B	D	C	D

câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
ĐA	D	C	D	D	A	D	D	C	C	C

câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
ĐA	C	C	B	A	C	C	C	B	B	B

câu	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
ĐA	C	B	A	B	D	A	D	C	A	A

Đáp án mã đề 4 :

câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10
ĐA	A	A	B	C	A	A	C	C	D	D

câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	D	D	D	A	B	D	A	C	D	A

câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
ĐA	C	C	B	C	A	A	C	C	D	D

câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
ĐA	B	B	B	B	B	B	C	C	C	A

câu	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
ĐA	B	A	B	C	A	D	D	A	B	D